

Bản án số: 14/2021/DS-PT

Ngày: 14- 4- 2021

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Tuấn và bà Nguyễn Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/TLPT - DS ngày 03 tháng 3 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/ DSST ngày 22/01/2021, của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXPT - DS ngày 24 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị L, sinh năm 1960; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bàn Quốc Th, sinh năm 1956; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Bàn Văn Th1; vắng mặt.

2. Anh Bàn Văn Th2; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

3. Chị Bàn Thị H; có mặt; Địa chỉ: Tổ 1, khu 8, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

4. Bà Lý Thị Ph, sinh năm 1959 - Vợ ông Bàn Quốc Th ủy quyền cho ông Th tham gia tố tụng.

Kháng cáo: Bị đơn ông Bàn Quốc Th.

Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày: gia đình tôi (gồm tôi và 03 người con của tôi là Bàn Văn Th1, Bàn Văn Thịnh và Bàn Thị H) được UBND huyện Hoành Bồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp thửa số 203, tờ bản đồ số 01, thuộc khoảnh 2, tiểu khu 73B, xã Bằng Cả, huyện Hoành Bồ ngày 30/11/2012 có diện tích 21.760m², khi nhận đất rừng thì trên đất đã có cây keo của 04 hộ dân và đã có 03 hộ dân tự thu hoạch cây để trả đất cho

tôi còn mỗi ông Th không chịu thu hoạch cây để trả đất cho tôi nên tôi đề nghị ông Th phải tự thu hoạch cây keo để trả lại đất cho tôi khoảng 4000m².

Bị đơn ông Bàn Quốc Th có lời khai trình bày: phần đất mà tôi đang trồng cây keo nằm trong phần đất mà bà L đã được cấp bìa đỏ, phần đất này tôi đã sử dụng từ những năm 1983, sau đó năm 2010 do chủ trương của Nhà nước cấp đất rừng cho các hộ dân để sản xuất, nhưng gia đình tôi chưa được cấp đủ hạn mức đất rừng nên tôi sẽ không trả đất cho bà L, khi nào nhà nước cấp đủ diện tích đất rừng cho tôi thì tôi sẽ tự thu hoạch cây keo và trả lại đất cho bà L, số cây keo tôi trồng trên đất của bà Lan khoảng 4000m², lứa cây keo này tôi trồng khoảng năm 2010 và đã đủ thời gian để thu hoạch được.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bàn Văn Th1, anh Bàn Văn Th2 và chị Bàn Thị H cùng có quan điểm trình bày: vào năm 2012 nhà nước có cấp đất rừng cho hộ gia đình bà L gồm có bà L là chủ hộ cùng với 03 người con là anh Th1 anh Th2 và chị H. Khi gia đình nhận đất rừng thì đã có cây keo của 04 hộ dân khác, trong đó có 03 hộ đã tự thu hoạch cây keo để trả lại đất cho hộ bà L, nay chỉ còn ông Th không chịu thu hoạch cây keo để trả đất, nên các anh Th1, anh Th2 chị H đều có cùng quan điểm như bà L là yêu cầu ông Th phải tự thu hoạch cây keo để trả đất cho gia đình bà L.

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L.

Buộc ông Bàn Quốc Th phải trả lại cho hộ bà L quyền sử dụng đất 4063m² đất rừng trồng sản xuất, tại thửa đất số 203, tờ bản đồ số 1, thuộc khoảng 2, tiểu khu 73B, xã B, thành phố H (trước đây là xã Bằng Cả, huyện Hoành Bồ), (phần đất rừng này đã được UBND huyện Hoành Bồ giao cho hộ bà Vũ Thị L theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 072541 ngày 30/11/2012), có sơ đồ chi tiết thửa đất kèm theo. Ông Th có nghĩa vụ phải tự thu hoạch toàn bộ số cây keo trong phần đất trên trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ khoản 1, Điều 156; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 BLTTDS. Buộc ông Bàn Quốc Th phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông Bàn Quốc Th phải hoàn trả cho bà Vũ Thị L số tiền đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ.

Buộc ông Bàn Quốc Th phải nộp 300.000đ, tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Vũ Thị L số tiền 300.000đ, tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai số 0002460 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Hạ Long.

Kháng cáo: Ngày 02/02/2021, bị đơn kháng cáo với các nội dung không đồng ý bản án đề nghị cấp đủ đất cho gia đình; Do không phải lỗi của gia đình nên không chịu tiền thẩm định 5.000.000đ, và không chịu án phí.

Kháng nghị: Ngày 05/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long kháng nghị với những nội dung sau:

Thứ nhất: Tuyên án không phù hợp với chính sách giao đất, gây khó khăn khi thi hành án:

Căn cứ vào tài liệu thu thập, đủ cơ sở xác định: Năm 2010, UBND xã Bằng Cả lập Phương án giao đất giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn với phương thức: Ưu tiên các hộ đang trồng mô hình; các hộ dân bốc thăm nhận đất đã đánh số, những hộ bốc thăm được thừa đất do hộ khác lần chiếm trước đó thì hai hộ chủ cũ và mới tự thỏa thuận về giá trị cây hiện có, nếu không thỏa thuận được thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật... Phương án này được UBND huyện Hoàn Bò (nay là thành phố Hạ Long) phê duyệt, chấp thuận. Quá trình thực hiện, do hộ bà L và ông Thắng chỉ thỏa thuận để ông Thắng thu hoạch keo mà chưa thỏa thuận về giá trị cây trồng trên đất hiện có; nay ông Thắng không thực hiện bàn giao đất theo phương án và không thực hiện thu hoạch keo theo thỏa thuận. Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận đơn khởi kiện nhưng lại buộc ông Thắng phải thu hoạch keo để bàn giao đất cho bà L là không phù hợp với phương án giao đất của UBND xã Bằng Cả, gây khó khăn khi thi hành án.

Thứ hai: Về việc tính lãi suất chậm trả:

Bản án tuyên buộc ông Th phải hoàn trả cho bà Vũ Thị L số tiền đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng, nhưng không xác định nghĩa vụ chậm trả khi thi hành án là vi phạm điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/11.01.2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Thứ ba: Về hình thức bản án:

Bản án không thực hiện đúng mẫu số 52 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01 ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc không giải thích về quyền yêu cầu thi hành án dân sự đối với các đương sự theo quy định tại Điều 483 Bộ luật Tố tụng Dân sự. *“Trường hợp bản án này được thi hành quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”*.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Cụ thể: Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày 14/4/2021, ông Bàn Văn Th và bà Lý Thị Ph có nghĩa vụ thu hoạch cây cối hoa màu vật kiến trúc, trên phần đất 4063m² và trả lại QSDĐ trên cho bà L. Bà L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

1) Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

* *Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng:*

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia phiên tòa và Thư ký Tòa án đã chấp hành đầy đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm hiện tại.

** Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:*

Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay, các đương sự cơ bản thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2) Về kháng cáo của đương sự, kháng nghị của Viện kiểm sát:

- Về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo:

+ Về nội dung kháng cáo đối với nghĩa vụ chịu án phí và chi phí thẩm định tại chỗ: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông Thắng phải chịu án phí và chi phí tố tụng là có căn cứ theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và khoản 1 Điều 157 BLTTDS. Do đó kháng cáo của ông Th không có căn cứ chấp nhận.

+ Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát:

Kháng nghị của VKS là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay các đương sự tự thỏa thuận: Ông Th chặt keo và trả lại đất cho bà L trong thời hạn 45 ngày; bà L tự nguyện nộp 5.000.000đ tiền chi phí thẩm định.

Căn cứ Điều 5, Điều 298 BLTTDS, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh rút kháng nghị đối với 02 nội dung gồm:

Thứ nhất tuyên án không phù hợp với chính sách giao đất, gây khó khăn khi thi hành án.

Thứ hai: Về việc tính lãi suất chậm trả.

Giữ nguyên kháng nghị về hình thức bản án.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đề nghị HĐXX: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 289; khoản 1 Điều 300 BLTTDS,

- Đình chỉ phần VKS rút kháng nghị ;

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bà L chịu chi phí thẩm định số tiền 5.000.000đ và hình thức bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo, kháng nghị làm trong hạn và trong phạm vi xét xử sơ thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt anh Bàn Văn Th1.

[2] Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 22/01/2021 của Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, đã xác định đúng quan hệ pháp luật. Tuy nhiên, xác định chưa đầy đủ những người tham gia tố tụng đó là bà Lý Thị Ph vợ ông Bàn Quốc Th. Cấp phúc thẩm đã bổ sung tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Tại cấp phúc thẩm các đương sự thỏa thuận: Trong thời hạn 45 ngày ông Th - bà Ph đồng ý thu hoạch cây và giao lại đất cho bà L, bà L tự nguyện chịu tiền chi phí thẩm định 5.000.000đ. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện. Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[4] Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa có quan điểm rút hai nội dung kháng nghị gồm định giá tài sản và nghĩa vụ chậm trả khi thi hành án, Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị đã rút. Đối với nội dung kháng nghị Bản án không thực hiện đúng mẫu số 52 ban hành kèm theo Nghị quyết số 01 ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc không giải thích về quyền yêu cầu thi hành án dân sự đối với các đương sự theo quy định tại Điều 483 Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ, nên chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Ông, bà Th- Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông, bà Th- Ph là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ, phúc thẩm cho ông, bà Th – Ph.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án đối với nội dung kháng nghị về định giá và nghĩa vụ chậm trả khi thi hành án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long; Chấp nhận phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đối với nội dung giải thích về quyền yêu cầu thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng Dân sự; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 22/01/2021 của Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, công nhận thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 156, Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 33; khoản 1 Điều 49 Luật Đất đai năm 2003;

khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 5, 7 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

1 - Ông, bà Bàn Quốc Th - Lý Thị Ph có nghĩa vụ trả lại cho hộ bà **Vũ Thị L** quyền sử dụng 4063m² đất rừng trồng sản xuất, tại thửa đất số 203, tờ bản đồ số 1, thuộc khoảnh 2, tiểu khu 73B, xã B, thành phố H (trước đây là xã Bằng Cả, huyện Hoàn Bò), (Phần đất rừng này đã được UBND huyện Hoàn Bò giao cho hộ bà **Vũ Thị L** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 072541 ngày 30/11/2012), có sơ đồ chi tiết thửa đất kèm theo. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày 14/4/2021, ông, bà Bàn Quốc Th - Lý Thị Ph có nghĩa vụ phải tự thu hoạch toàn bộ số cây keo trong phần đất trên để trả lại quyền sử dụng 4063m² cho hộ bà **Vũ Thị L**.

2 - Chi phí thẩm định: Bà **Vũ Thị L** tự nguyện chịu 5.000.000đ, tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp để chi).

3 - Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho ông, bà Bàn Quốc Th - Lý Thị Ph. Trả lại cho ông Bàn Quốc Th số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003264 ngày 19/02/2021, tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Trả lại cho bà **Vũ Thị L** số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tạm ứng án phí mà bà **L** đã nộp theo biên lai số 0002460 ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân TP Hạ Long;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Hạ Long;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Thắng

